

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 7 - THÁI NGUYÊN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 02/2025/HNGĐ-ST
Ngày 25/7/2025
V/v: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 7 - THÁI NGUYÊN**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông: Triệu Văn Mẫn.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Lục Thị Xinh

Ông Nguyễn Viết Tác

- Thư ký phiên tòa: Bà Mạc Thị Hà - Thư ký Tòa án nhân dân Khu vực 7 - Thái Nguyên

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Khu vực 7 - Thái Nguyên tham gia phiên tòa: Hoàng Văn Tập - Kiểm sát viên.

Ngày 25/7/2025 tại Hội trường xét xử Tòa án nhân dân Khu vực 7 - Thái Nguyên xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 19/2025/TLST-HNGĐ ngày 14/5/2025 về việc “*Ly hôn, tranh chấp nuôi con*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 08/QĐXXST-HNGĐ ngày 19/6/2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 02/2025/QĐST-HNGĐ ngày 09/7/2025, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Anh Chảo Mí L; sinh năm 1996. Vắng mặt (có đơn xin xét xử vắng mặt).

- Bị đơn: Chị Vàng Thi S; sinh năm: 1996. Vắng mặt không có lý do.

Cùng địa chỉ: Thôn P, xã Q, tỉnh Thái Nguyên (Thôn P, xã T, huyện C, tỉnh Bắc Kạn cũ).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện xin ly hôn và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn anh Chảo Mí L trình bày:

Anh L và chị Vàng Thi S kết hôn trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn vào ngày 10/5/2016 tại Ủy ban nhân dân xã Q, tỉnh Thái Nguyên (Ủy ban nhân dân xã

T, huyện C, tỉnh Bắc Kạn cũ). Sau khi kết hôn vợ chồng sống không hạnh phúc, nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, năm 2018 chị S bỏ đi khỏi nhà, vợ chồng sống ly thân từ đó cho đến nay, không ai quan tâm đến ai. Nay xác định mâu thuẫn vợ chồng trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được nên anh L yêu cầu Tòa án giải quyết cho anh và chị S ly hôn.

Về con chung: Anh L và chị Vàng Thị S có 02 con chung, con lớn tên là Chảo Minh H, sinh ngày 13/01/2016, con nhỏ tên là Chảo Thị Mai T, sinh ngày 08/8/2017. Hiện nay các con đang sinh sống cùng với anh L tại thôn P, xã Q, tỉnh Thái Nguyên. Ly hôn anh L có nguyện vọng được trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cả 02 con. Anh L không yêu cầu chị S phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung, công nợ chung: Anh L không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn chị Vàng Thị S không đến Tòa làm việc, không nộp bản tự khai và cũng không cung cấp tài liệu, chứng cứ có liên quan trong vụ án cho Tòa án, Tòa án đã niêm yết văn bản tố tụng theo quy định tại chính quyền địa phương nơi chị S cư trú. Đồng thời, tiến hành làm việc với người thân của chị S và tiến hành xác minh với chính quyền địa phương nơi chị S và anh L cư trú, được cung cấp thông tin về quan hệ hôn nhân của chị S và anh L có phát sinh mâu thuẫn, cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc, chị S và anh L đã sống ly thân từ lâu. Hiện nay, chị S bỏ đi khỏi địa phương, không cho anh L biết địa chỉ cụ thể, chị S có biết việc Tòa án đang thụ lý, giải quyết vụ án ly hôn giữa chị S và anh L nhưng chị không về giải quyết vụ việc tại Tòa án.

Tại phiên tòa anh Chảo Mí L có đơn xin xét xử vắng mặt, trong đơn trình bày rõ quan điểm giữ nguyên yêu cầu khởi kiện xin được ly hôn, nuôi con chung và không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con. Bị đơn chị Vàng Thị S mặc dù được Tòa án triệu tập hợp lệ hai lần tuy nhiên đều vắng mặt không có lý do.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 7, tỉnh Thái Nguyên:

Về tố tụng: Thẩm phán thụ lý vụ án thu thập chứng cứ chuẩn bị xét xử và quyết định đưa vụ án ra xét xử đều bảo đảm đúng thời hạn nội dung thẩm quyền theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Hội đồng xét xử Thư ký phiên tòa thực hiện đúng trình tự thủ tục đối với phiên phiên tòa dân sự. Nguyên đơn thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình, bị đơn không thực hiện đúng, đầy đủ nghĩa vụ của bị đơn về việc có mặt theo giấy triệu tập của Tòa án trong quá trình giải quyết vụ án quy định tại Điều 70 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 228, Điều 238 của Bộ luật tố tụng dân sự; các Điều 51, 56, 58, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số:

326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí và lệ phí Tòa án.

Đề nghị Tòa án tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Chảo Mí L.

Về quan hệ hôn nhân: Anh Chảo Mí L được ly hôn với chị Vàng Thị S.

Về con chung: Giao 02 con chung, con lớn tên là Chảo Minh H, sinh ngày 13/01/2016, con nhỏ tên là Chảo Thị Mai T, sinh ngày 08/8/2017 cho anh Chảo Mí L được trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cho đến khi các con đủ 18 tuổi. Chị Vàng Thị S không phải cấp dưỡng nuôi con sau ly hôn.

Về tài sản chung, công nợ chung: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết giải quyết.

Án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Anh Chảo Mí L phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa, lời trình bày của các đương sự và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Tòa án nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết vụ án: Anh Chảo Mí L khởi kiện xin ly hôn với chị Vàng Thị S có đăng ký hộ khẩu thường trú tại thôn Thôn P, xã Q, tỉnh Thái Nguyên. Đây là vụ án tranh chấp về hôn nhân và gia đình theo quy định tại Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự và thẩm quyền giải quyết thuộc Tòa án nhân dân Khu vực 7 – Thái Nguyên theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự và khoản 2 Điều 1 Luật sửa đổi bổ sung một số điều luật của Bộ luật tố tụng dân sự, luật tố tụng hành chính, luật tư pháp người chưa thành niên, luật phá sản và Luật hòa giải đối thoại tại Tòa án năm 2025.

[2] Về trình tự, thủ tục tố tụng: Sau khi thụ lý vụ án Tòa án đã tiến hành các trình tự giải quyết vụ án theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Ngày 09/7/2025 Tòa án mở phiên tòa xét xử nhưng do bị đơn chị Vàng Thị S vắng mặt tại phiên tòa không có lý do nên Tòa án hoãn phiên tòa. Ngày 25/7/2025 Tòa án mở lại phiên tòa, nguyên đơn có đơn xin vắng mặt tại phiên tòa, bị đơn vắng mặt không có lý do. Do vậy, Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 227, Điều 228 và Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn.

[3] Căn cứ đơn khởi kiện, lời trình bày của anh Chảo Mí L và đối chiếu với các chứng cứ sơ vụ án Hội đồng xét xử nhận định:

Về quan hệ hôn nhân: Anh Chảo Mí L và chị Vàng Thị S tự nguyện kết hôn và có đăng ký kết hôn ngày 10/5/2016 tại xã Q, tỉnh Thái Nguyên (Xã T, huyện C, tỉnh Bắc Kạn cũ) là hôn nhân hợp pháp.

Quá trình chung sống anh L và chị S phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, chị S bỏ đi khỏi nhà từ năm 2018 và vợ chồng sống ly thân từ 2018 đến nay, không ai quan tâm đến ai. Anh L xác định không còn tình cảm vợ chồng, kiên quyết xin ly hôn. Quá trình giải quyết vụ án, Do chị S vắng mặt tại nơi cư trú nên Tòa án đã tiến hành niêm yết các văn bản tố tụng để bảo đảm cho chị S thực hiện quyền và nghĩa vụ tố tụng. Chị S không đến tòa án làm việc, không gửi văn bản nêu ý kiến của mình cho Tòa án, không hợp tác để giải quyết vụ án. Tòa án tiến hành làm việc với người thân trong gia đình chị S, biết được việc chị S có biết Tòa án thụ lý giải quyết việc ly hôn giữa chị và anh L, tuy nhiên chị S có thông tin lại sẽ không về Tòa án để giải quyết vụ việc. Như vậy, Như vậy, có đủ căn cứ xác định hôn nhân của chị S và anh L đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của nguyên đơn là đúng với quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân gia đình

Về nuôi con chung: Thời gian chung sống, vợ chồng anh L và chị S có 02 con chung con lớn tên là Chảo Minh H, sinh ngày 13/01/2016, con nhỏ tên là Chảo Thị Mai T, sinh ngày 08/8/2017. Xét thấy, anh L đang trực tiếp nuôi con chung, về điều kiện thu nhập đảm bảo nuôi con, nguyện vọng của cả hai con muốn được sống cùng anh L, quá trình giải quyết vụ án chị S không có mặt nên không có ý kiến gì về việc nuôi con. Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 2 Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, chấp nhận giao hai con chung cho anh L được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục. Về cấp dưỡng nuôi con anh L không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Về tài sản chung, công nợ chung: Các đương sự không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Về án phí: Nguyên đơn phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 điều 147; Điều 227; Điều 228; Điều 238; Điều 271; Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; khoản 2 Điều 1 Luật sửa đổi bổ sung một số điều luật của Bộ luật tố tụng dân sự, luật

tổ tụng hành chính, luật tư pháp người chưa thành niên, luật phá sản và Luật hòa giải đối thoại tại Tòa án năm 2025; Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Chảo Mí L.

1. Về quan hệ hôn nhân: Anh Chảo Mí L được ly hôn chị Vàng Thị S.

2. Về con chung: Giao cả hai con chung, con lớn tên là Chảo Minh H, sinh ngày 13/01/2016, con nhỏ tên là Chảo Thị Mai T, sinh ngày 08/8/2017 cho anh Chảo Mí L trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi các con chung đủ 18 tuổi.

Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung: Đương sự không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

Sau khi ly hôn, chị Vàng Thị S có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung theo quy định của pháp luật mà không ai được cản trở. Vì lợi ích của con khi cần thiết các bên có quyền thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc yêu cầu cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Đương sự không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

4. Về án phí: Anh Chảo Mí L phải chịu 300.000 đồng án phí vụ án Hôn nhân và gia đình sơ thẩm, được trừ vào số tiền 300.000 đồng đã nộp tạm ứng án phí theo Biên lai thu tiền số 0003384 ngày 24 tháng 3 năm 2025 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Chợ Đồn, tỉnh Bắc Kạn (nay là Phòng Thi hành án dân sự Khu vực 7 – Thái Nguyên).

"Trường hợp Bản án, Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự".

5. Quyền kháng cáo: Án xử công khai sơ thẩm, nguyên đơn và bị đơn đều vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Thái Nguyên;
- VKSND Khu vực 7 - Thái Nguyên;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

- UBND xã Q;
- THADS tỉnh Thái Nguyên;
- Các đương sự;
- Lưu HS-BP.

Triệu Văn Mẫn